

Bản án số: 82/2023/DS-PT
Ngày 11-7-2023
V/v tranh chấp về chia tài sản
thuộc sở hữu chung và thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lương Thanh Chín;

2. Ông Nguyễn Hồng Thái;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:** Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung và thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2023/QĐPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 64/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954; có mặt

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Tô Thị Đ, sinh năm: 1975; có mặt

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Tô Thị H, sinh năm 1973; có mặt

3.2. Ông Tô Thanh Đ1, sinh năm 1976; có mặt

3.3. Ông Tô Thanh Đ2, sinh năm 1978; có mặt

3.4. Ông Tô Thanh Đ3, sinh năm 1982; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3.5. Bà Tô Thị Đ4, sinh năm 1984; có mặt

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3.6. Ông Tô Thanh Đ5, sinh năm 1988; (chết ngày 22/10/2021)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tô Thanh Đ5:

- Vợ: Bà Trần Thị Đ6, sinh năm: 1995; có mặt

- Con: Tô Thị Ánh S, sinh năm 2011; vắng mặt

- Con: Tô Thị N, sinh năm 2013; vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của cháu S và cháu N: Bà Trần Thị Đ6.

3.7. Ông Tô Thanh Đ7, sinh năm 1989; có mặt

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

3.8. Ông Tô Thanh Đ8 (chết ngày 18/11/2017);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tô Thanh Đ8:

- Vợ: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993; vắng mặt

- Con: Tô Nguyễn Bảo T1, sinh năm 2011; vắng mặt

- Con: Tô Nguyễn Nhật V, sinh năm 2017; vắng mặt

Cùng địa chỉ: tổ C, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T1 và cháu V: Bà Nguyễn Thị Thu

T.

3.9. Ông Tô Thanh H1, sinh năm 1994; có mặt

3.10. Ông Tô Thanh H2, sinh năm 1996; có mặt

3.11. Ông Tô Thanh C, sinh năm 1998; có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3.12. Bà Tô Thị H3, sinh năm 1996 ; có mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

4. Người kháng cáo: Ông Tô Thanh Đ1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày:

Chồng bà Nguyễn Thị B là ông Tô Thanh S1, sinh năm 1948, chết ngày 16/4/2013. Vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Tô Thanh S1 trong quá trình chung sống có tạo lập các tài sản bao gồm 7 thửa đất tại thôn T, xã T, thành phố P như sau:

- 1/ Thửa số 154, diện tích 2.000 m² đất trồng dừa;
- 2/ Thửa số 92, diện tích 1320 m² đất trồng dừa;
- 3/ Thửa số 502, diện tích 1700 m², đất trồng dừa;
- 4/ Thửa số 100, diện tích 8000 m², đất trồng hoa màu;
- 5/ Thửa số 38, diện tích 180m² đất thổ cư, 01 nhà cấp 4 và công trình phụ trên 180m² thổ cư;
- 6/ Thửa số 39, diện tích 6.000 m², đất trồng hoa màu;
- 7/ Thửa số 40, diện tích 2.400 m², đất trồng hoa màu;

Vợ chồng bà Nguyễn Thị B có 13 người con: Bà Tô Thị Đ, sinh năm: 1975; Bà Tô Thị H, sinh năm 1973; Ông Tô Thanh Đ1, sinh năm 1976; Ông Tô Thanh Đ2, sinh năm 1978; Ông Tô Thanh Đ3, sinh năm 1982; Bà Tô Thị Đ4, sinh năm 1984; Ông Tô Thanh Đ5, sinh năm 1988; Ông Tô Thanh Đ7, sinh năm 1989; Ông Tô Thanh Đ8, sinh năm 1992; Ông Tô Thanh H1, sinh năm 1994; Ông Tô Thanh H2, sinh năm 1995; Bà Tô Thị H3, sinh năm 1996; Ông Tô Thanh C, sinh năm 1998;

Hiện nay bà B cùng các con Tô Thanh C, Tô Thanh Đ2, Tô Thanh H1, Tô Thị H3, Tô Thanh H2 đang ở trong nhà cấp 4, quản lý, canh tác các thửa đất số 154, 92, 502, 100, 38, 40, còn thửa 39 các con Tô Thị Đ, Tô Thanh Đ5, Tô Thanh Đ3 cất nhà riêng ở và quản lý một phần.

Sau khi chồng bà B là ông S1 chết, bà B muốn cùng các con phân chia tài sản nhưng các con Tô Thanh Đ1, Tô Thị Đ, Tô Thanh Đ8 không chịu thỏa thuận nên không thể phân chia tài sản. Để đảm bảo quyền lợi của bà B và các con trong gia đình, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Tô Thanh S1 cho bà B và các con thành các phần đều nhau.

- Chia di sản của ông Tô Thanh S1 cho những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật.

Bà B yêu cầu được nhận hiện vật để thuận tiện trong việc sản xuất và hoàn lại giá trị tài sản bằng tiền cho các con theo giá thị trường.

Ngày 29/3/2019, bà B có đơn đề nghị Tòa án xác định tài sản là các thửa đất số 154, 92, 502, 100 là tài sản chung của hộ gia đình bà B và ông S1, yêu cầu

chia tài sản chung của hộ gia đình và chia phần thừa kế của ông S1 theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2020, bà B có đơn rút yêu cầu chia tài sản đối với các thửa đất số 38, 39, 40 và tài sản trên các thửa đất này. Bà B giữ nguyên yêu cầu chia tài sản đối với các thửa đất số 154, 92, 502, 100.

Bị đơn bà Tô Thị Đ trình bày:

Bà Tô Thị Đ xác định quan hệ nhân thân và gia đình như bà Nguyễn Thị B trình bày. Cha, mẹ bà Tô Thị Đ có tạo lập 07 thửa đất ở thôn T và 02 thửa đất dừa ở thôn T, xã T, thành phố P. Nay mẹ bà Tô Thị Đ là bà Nguyễn Thị B khởi kiện thì bà Đ nhất trí đề nghị chia theo pháp luật và xin nhận tài sản là hiện vật, yêu cầu Tòa án chia đều cho mỗi người bằng nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh Đ1 trình bày:

Ông Tô Thanh Đ1 là con của ông Tô Thanh S1 và mẹ bà Nguyễn Thị B. Cha, mẹ ông tạo lập được 7 thửa đất ở thôn T và 07 thửa đất dừa ở thôn T, xã T. Nay bà B yêu cầu chia thừa kế thì ông yêu cầu được nhận phần di sản của ông và ông Đ1 có nhu cầu nhận tài sản bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh Đ8 trình bày:

Về hàng thừa kế và các con trong gia đình, thống nhất như bà B trình bày. Về tài sản, ông Tô Thanh Đ8 thống nhất như bà B trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, ông Đ8 nhất trí chia đều và xin nhận phần di sản bằng hiện vật.

Theo trích lục khai tử số 450/TLKT-BS ngày 29/9/2020 của UBND xã H, xác định ông Tô Thanh Đ8 chết ngày 18/11/2017.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tô Thanh Đ8 là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chồng bà Nguyễn Thị Thu T là ông Tô Thanh Đ8, vợ chồng có 2 con gồm Tô Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 17/8/2011 và Tô Nguyễn Nhật V, sinh ngày 24/4/2017. Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Bà T đồng ý nhận kỷ phần bằng tiền nếu Tòa án chia tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh Đ7 trình bày:

Về hàng thừa kế và tài sản ông nhất trí như mẹ ông là bà Nguyễn Thị B trình bày. Về yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và thừa kế của cha, nếu được chia, phần ông Đ7 nhất trí với giá trị tài sản theo giá thị trường, yêu cầu được nhận bằng hiện vật, không nhận tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị H trình bày:

Về hàng thừa kế và những con gia đình, bà H thống nhất như bà B trình bày. Ngoài hàng thừa kế và các con như trên thì không còn ai khác. Về tài sản

chung, giá của tài sản và thừa kế bà H nhất trí như bà B trình bày. Bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ, là bà Nguyễn Thị B và không có ý kiến gì khác. Về việc chia tài sản và thừa kế thì bà H đề nghị giao lại toàn bộ tài sản cho bà B và xin nhận kỷ phần bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh Đ2, bà Tô Thị Đ4, ông Tô Thanh H1, ông Tô Thanh H2, bà Tô Thị H3 trình bày:

Đồng ý với phần trình bày của mẹ là bà Nguyễn Thị B về mối quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và đồng ý với yêu cầu của bà B về việc giải quyết vụ án. Các đương sự xác định giao lại toàn bộ tài sản cho bà B quản lý, sử dụng và xin nhận kỷ phần bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh C trình bày:

Ông Tô Thanh C có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Tô Thanh C có ý kiến xin nhường phần thừa kế cho mẹ là bà Nguyễn Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh Đ5 trình bày:

Về hàng thừa kế và về tài sản ông nhất trí như mẹ ông là bà Nguyễn Thị B trình bày. Về yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và thừa kế của cha, nếu được chia, phần ông Đ5 yêu cầu được nhận bằng hiện vật, không nhận tiền.

Theo trích lục khai tử số 27/TLKT ngày 27/10/2021 của UBND xã T, ông Tô Thanh Đ5 chết ngày 22/10/2021.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ5 là bà Trần Thị Đ6 (vợ ông Đ5) trình bày:

Vợ chồng bà Trần Thị Đ6 có 2 con chung là Tô Thị Ánh S, sinh năm 2011 và Tô Thị N, sinh năm 2013. Nay Tòa án giải quyết phần thừa kế và tài sản chung của bên chồng, bà Đ6 xác định không tranh chấp, giao phần của chồng cho mẹ chồng là bà Nguyễn Thị B sở hữu, quản lý, sử dụng. Bà Đ6 không tranh chấp gì với bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án dân sự số 21A/2022/QĐ-SCBS ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:

1. Căn cứ: Khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1, khoản 2 Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 118, Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009; Khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

a/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản các thửa đất số 38, 39, 40 và tài sản có trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 484434, do UBND thị xã P cấp ngày 02/4/1999.

b/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị B, ông Tô Thanh S1 và chia thừa kế phần tài sản của ông Tô Thanh S1 như sau:

* Giao cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng 4 thửa đất sau:

- Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 78, diện tích 8.000 m², tại thôn T, xã T, thành phố P theo bản vẽ mảnh chính lý bản đồ địa chính số 143-2017 ngày 09/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đ9 và chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của công ty cổ phần T4.

- Thửa đất số 264, tờ bản đồ số 77, diện tích 1.716 m², tại thôn T, xã T, thành phố P theo bản vẽ mảnh chính lý bản đồ địa chính số 332-2016 ngày 23/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng Đ9 và chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của công ty cổ phần T4.

- Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 77, diện tích 1.011,4 m², tại thôn T, xã T, thành phố P, theo bản vẽ mảnh chính lý bản đồ địa chính số 34-2016 ngày 23/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng Đ9 và chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của công ty cổ phần T4.

- Thửa đất số 218, tờ bản đồ số 77, diện tích 540,6 m², tại thôn T, xã T, thành phố P, theo bản vẽ mảnh chính lý bản đồ địa chính số 34-2016 ngày 23/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng Đ9 và chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của công ty cổ phần T4.

Buộc các đương sự phải có nghĩa vụ bàn giao các thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị B có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Về việc hoàn tiền, bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ hoàn tiền về chia tài sản chung và tài sản thừa kế cho các đương sự sau:

1/ H4 lại cho bà Tô Thị H: 318.957.000 đồng.

2/ H4 lại cho ông Tô Thanh Đ1: 318.957.000 đồng,

3/ H4 lại cho ông Tô Thanh Đ2: 318.957.000 đồng

4/ Hoàn lại cho ông Tô Thanh Đ3: 318.957.000 đồng

5/ Hoàn lại cho bà Tô Thị Đ4: 318.957.000 đồng

6/ H4 lại cho ông Tô Thanh Đ7: 318.957.000 đồng

7/ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu T, cháu Tô Nguyễn Bảo T1 và cháu Tô Nguyễn Nhật V, mỗi người được nhận 79.739.000 đồng. Do con Bảo T1, Nhật V còn nhỏ nên bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm nhận, quản lý phần tài sản của hai con Bảo Thy, Nhật V.

8/ H4 lại cho ông Tô Thanh H1: 318.957.000 đồng

9/ Hoàn lại cho ông Tô Thanh H2: 318.957.000 đồng

10/ Hoàn lại cho bà Tô Thị Đ: 21.263.000 đồng

11/ Hoàn lại cho bà Tô Thị H3: 21.263.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất do chậm thi hành án, chi phí tố tụng khác, án phí theo quy định.

Ngày 11/10/2022, ông Tô Thanh Đ1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét phân chia lại tài sản thuộc sở hữu chung và thừa kế cho những người thừa kế;

+ Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông Tô Thanh Đ1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét chia cho ông Đ1 1.000m² trong 04 thửa đất nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của ông Tô Thanh Đ1 là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia cho ông Tô Thanh Đ1 một phần diện tích đất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc xét xử vắng mặt: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh Đ3, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Tô Thanh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Tòa án xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông Tô Thanh Đ1:

[2.1] Về người thừa kế:

Ông Tô Thanh S1 chết không để lại di chúc. Các đương sự không có tranh chấp về hàng thừa kế, không có kháng cáo về hàng thừa kế. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô Thanh S1 theo Bản án sơ thẩm xác định gồm 14 người là có cơ sở, cụ thể: Bà Nguyễn Thị B (vợ ông S1) và các con gồm: bà Tô Thị Đ, bà Tô Thị H, ông Tô Thanh Đ1, ông Tô Thanh Đ2, ông Tô Thanh Đ3, bà Tô Thị Đ4, ông Tô Thanh Đ5, ông Tô Thanh Đ7, ông Tô Thanh Đ8, ông Tô Thanh H1, ông Tô Thanh H2, bà Tô Thị H3, ông Tô Thanh C.

[2.2] Về tài sản chung và di sản thừa kế:

- Bà Nguyễn Thị B yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng bà B, ông S1 cho thành viên hộ gia đình và chia di sản thừa kế của ông Tô Thanh S1 đối với Thửa đất số 154, diện tích 2.000m²; Thửa đất số 92, diện tích 1.320m²; Thửa đất số 502, diện tích 1700m²; Thửa đất số 100, diện tích 8000m² và tài sản trên đất. Các thửa đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã P (nay là thành phố P) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 484434 ngày 02/4/1999 cho hộ ông Tô Thanh S1.

- Qua đo đạc hiện trạng xác định: Thửa đất số 154, diện tích 2.000m² theo Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 332/2016 ngày 23/12/2016 là **thửa số 264/1.716m²** tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Thửa đất số 92, diện tích 1.320m² theo Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 34/2016 ngày 23/12/2016 là **thửa số 218/540,6m²** tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Thửa đất số 502, diện tích 1700m² theo Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 34/2016 ngày 23/12/2016 là thửa số **200/1.011,4m²** tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Thửa đất số 100, diện tích 8000m² theo Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 143/2017 ngày 09/5/2017 là thửa số **02/8.000m²**, tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Việc biến động giảm diện tích là do đo đạc trước đây chưa chính xác.

- Bà Nguyễn Thị B và các con xác định 04 thửa đất số 264/1.716m², thửa số 218/540,6m², thửa số 200/1.011,4m², thửa số 02/8.000m² do vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Tô Thanh S1 tạo lập. Tại công văn số 13596/UBND-TH

ngày 18/12/2018, Ủy ban nhân dân thành phố P xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 484434 ngày 02/4/1999 cho hộ ông Tô Thanh S1 là đúng quy định. Nguồn gốc đất do gia đình bà B khai phá, sử dụng ổn định, liên tục từ sau năm 1975. Bà B không yêu cầu tính công sức đóng góp của bà B và đồng ý chia đều cho các thành viên trong hộ, các đương sự không có yêu cầu về tính công sức đóng góp. Theo biên bản xác minh ngày 23/6/2022 tại Công an xã T, hộ ông Tô Thanh S1, bà Nguyễn Thị B vào năm 1999 gồm 12 nhân khẩu: Ông Tô Thanh S1, bà Nguyễn Thị B, bà Tô Thị H, ông Tô Thanh Đ1, ông Tô Thanh Đ2, ông Tô Thanh Đ3, bà Tô Thị Đ4, ông Tô Thanh Đ5, ông Tô Thanh Đ7, ông Tô Thanh Đ8, ông Tô Thanh H1, ông Tô Thanh H2. Bà B trình bày lý do năm 1999 trong hộ gia đình không ghi tên bà Tô Thị Đ, bà Tô Thị H3 và ông Tô T3 Cầu là vì bà Đ lấy chồng đã tách khẩu ra ở riêng, còn bà H3 03 tuổi, ông C được 01 tuổi chưa nhập hộ khẩu. Như vậy, 04 thửa đất nêu trên của vợ chồng bà B, ông S1 được chia cho 12 thành viên.

[2.3] Chia giá trị tài sản chung và giá trị di sản:

- Theo chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của Công ty cổ phần T4 04 thửa đất (264/1.716m², 218/540,6m², 200/1.011,4m², 02/8.000m²) có giá trị tổng cộng là **3.572.332.000đồng**, được chia cho 12 người gồm: Ông Tô Thanh S1, bà Nguyễn Thị B, bà Tô Thị H, ông Tô Thanh Đ1, ông Tô Thanh Đ2, ông Tô Thanh Đ3, bà Tô Thị Đ4, ông Tô Thanh Đ5, ông Tô Thanh Đ7, ông Tô Thanh Đ8, ông Tô Thanh H1, ông Tô Thanh H2, mỗi người là $3.572.332.000\text{đồng} : 12 = \mathbf{297.694.000\text{đồng}}$.

- Phần giá trị di sản của ông Tô Thanh S1 được chia cho 14 người thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị B, bà Tô Thị Đ, bà Tô Thị H, ông Tô Thanh Đ1, ông Tô Thanh Đ2, ông Tô Thanh Đ3, bà Tô Thị Đ4, ông Tô Thanh Đ5, ông Tô Thanh Đ7, ông Tô Thanh Đ8, ông Tô Thanh H1, ông Tô Thanh H2, bà Tô Thị H3, ông Tô Thanh C, mỗi người là $297.694.000\text{đồng} : 14 = \mathbf{21.263.000\text{đồng}}$.

- Phần ông Tô Thanh C không nhận và giao cho bà B sở hữu là 21.263.000đồng. Ông Tô Thanh Đ5 chết sau ông Tô Thanh S1 nên phần di sản của ông Đ5 do người thừa kế hàng thứ nhất của ông Đ5 hưởng nhưng bà Trần Thị Đ6 đề nghị không nhận và giao cho bà B sở hữu là (297.694.000đồng + 21.263.000 đồng).

- Ông Tô Thanh Đ8 chết sau ông Tô Thanh S1 nên phần di sản của ông Đ8 do người thừa kế hàng thứ nhất của ông Đ5 là bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Thu T, cháu Tô Nguyễn Bảo T1 và cháu Tô Nguyễn Nhật V, mỗi người nhận $(297.694.000\text{đồng} + 21.263.000\text{đồng}) : 4 = 79.739.000\text{đồng}$;

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung và di sản thừa kế mỗi người được nhận:

1. Bà Nguyễn Thị B được nhận 738.916.250đồng;

2. Bà Tô Thị H được nhận 318.957.000đồng;
3. Bà Tô Thị Đ được nhận 21.263.000 đồng;
4. Tô Thanh Đ1 được nhận 318.957.000đồng;
5. Tô Thanh Đ2 được nhận 318.957.000đồng;
6. Tô Thanh Đ3 được nhận 318.957.000đồng;
7. Tô Thị Đ4 được nhận 318.957.000đồng;
8. Tô Thanh Đ7 được nhận 318.957.000đồng;
9. Tô Thanh H1 được nhận 318.957.000đồng;
10. Tô Thanh H2 được nhận 318.957.000đồng;
11. Tô Thị H3 được nhận 21.263.000đồng;
12. Bà Nguyễn Thị Thu T được nhận 79.739.000đồng;
13. Cháu Tô Nguyễn Bảo T1 được nhận 79.739.000đồng;
14. Cháu Tô Nguyễn Nhật V được nhận 79.739.000đồng;

[2.4] Chia hiện vật và hoàn giá trị:

Theo khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015, người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật. Bà Nguyễn Thị B có yêu cầu nhận hết 04 thửa đất và hoàn lại giá trị đất cho các con theo phần được chia; Ông Tô Thanh Đ1 kháng cáo yêu cầu được chia bằng hiện vật là 1.000m² đất. Nhận thấy, 04 thửa đất số 264/1.716m², thửa số 218/540,6m², thửa số 200/1.011,4m², thửa số 02/8.000m² có tổng diện tích 11.268m² do vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Tô Thanh S1 tạo lập, là tài sản chung của bà B và ông S1. Trong trường hợp chia tài sản theo quy định pháp luật, bà B được chia $\frac{1}{2}$ diện tích 11.268m² là 5.634m²; Phần diện tích còn lại 5.634m² là di sản của ông S1 được chia cho 14 người thừa kế của ông S1. Tuy nhiên bà B đồng ý giảm phần lợi ích của mình, chia phần diện tích đất lẽ ra bà B được hưởng cho các con. Mặt khác theo lời khai của ông Tô Thanh Đ1, hiện nay ông Đ1 đang quản lý, sử dụng diện tích đất 5.000m² tại xã T, thành phố P. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B, giao cho bà B diện tích đất 11.268m², buộc bà B hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho các con theo phần được chia tương ứng là đảm bảo quyền lợi cho các đương sự trong đó có ông Tô Thanh Đ1.

[2.5] Về nội dung Tòa án sơ thẩm tuyên buộc các đương sự phải có nghĩa vụ bàn giao các thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng: Theo lời khai của bà B, hiện nay diện tích đất 11.268m² đang do bà Nguyễn Thị B, ông Tô Thanh Đ2 và ông Tô Thanh H1 sử dụng, vì vậy việc tuyên buộc các đương sự trong vụ án phải có nghĩa vụ bàn giao các thửa đất cho bà Nguyễn Thị B là chưa

rõ. Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại nội dung này để đảm bảo đúng người có nghĩa vụ thi hành án.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của ông Tô Thanh Đ1 là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhận định nêu trên cũng là căn cứ không chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Tô Thanh Đ1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh Đ1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết (được sửa chữa, bổ sung theo Quyết định số 21A/2022/QĐ-SCBS ngày 07/10/2022 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết).

Áp dụng Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, Điều 676, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 7 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản các thửa đất số 38, 39, 40 và tài sản có trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 484434 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 02/4/1999.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về chia tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị B, ông Tô Thanh S1 và chia thừa kế tài sản của ông Tô Thanh S1, cụ thể:

2.1. Giao cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng 04 thửa đất sau:

- Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 78, diện tích 8.000m², tại thôn T, xã T, thành phố P theo Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 143-2017 ngày 09/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đ9 và chứng thư chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của công ty cổ phần T4.

- Thửa đất số 264, tờ bản đồ số 77, diện tích 1.716m², tại thôn T, xã T, thành phố P theo Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 332-2016 ngày 23/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng Đ9 và chứng thư chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của công ty cổ phần T4.

- Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 77, diện tích 1.011,4m², tại thôn T, xã T, thành phố P, theo Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 34-2016 ngày 23/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng Đ9 và chứng thư chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của công ty cổ phần T4.

- Thửa đất số 218, tờ bản đồ số 77, diện tích 540,6m², tại thôn T, xã T, thành phố P, theo Mạnh chinh lý bản đồ địa chính số 34-2016 ngày 23/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng Đ9 và chứng thư chứng thư thẩm định giá số 1621/20/CT.SACC-BT ngày 29/12/2020 của công ty cổ phần T4.

Kèm theo bản án là các Mạnh chinh lý bản đồ địa chính nêu trên.

2.2. Buộc các đương sự đang quản lý, sử dụng 04 thửa đất số 264/1.716m², thửa số 218/540,6m², thửa số 200/1.011,4m², thửa số 02/8.000m² phải có nghĩa vụ bàn giao các thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị B có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.3. Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản chung và tài sản thừa kế cho các đương sự sau:

1/ H4 lại cho bà Tô Thị H: 318.957.000 đồng;

2/ H4 lại cho ông Tô Thanh Đ1: 318.957.000 đồng;

3/ Hoàn lại cho ông Tô Thanh Đ2: 318.957.000 đồng;

4/ Hoàn lại cho ông Tô Thanh Đ3: 318.957.000 đồng;

5/ H4 lại cho bà Tô Thị Đ4: 318.957.000 đồng;

6/ H4 lại cho ông Tô Thanh Đ7: 318.957.000 đồng;

7/ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu T, cháu Tô Nguyễn Bảo T1 và cháu Tô Nguyễn Nhật V, mỗi người được nhận 79.739.000 đồng; Do cháu Bảo T1, Nhật V chưa thành niên nên bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm nhận, quản lý phần tài sản của hai cháu Bảo T1, N.

8/ H4 lại cho ông Tô Thanh H1: 318.957.000 đồng;

9/ Hoàn lại cho ông Tô Thanh H2: 318.957.000 đồng;

10/ H4 lại cho bà Tô Thị Đ: 21.263.000 đồng;

11/ Hoàn lại cho bà Tô Thị H3: 21.263.000 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến

khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị B tự nguyện chịu 19.335.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà B đã nộp đủ.

4. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị B, cháu Tô Nguyễn Bảo T1 và cháu Tô Nguyễn Nhật V được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 13.792.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006542 ngày 06/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

+ Bà Tô Thị Đ và bà Tô Thị H3, mỗi người phải chịu 1.063.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Tô Thị H, ông Tô Thanh Đ1, ông Tô Thanh Đ2, ông Tô Thanh Đ3, bà Tô Thị Đ4, ông Tô Thanh H1, ông Tô Thanh Đ7, ông Tô Thanh H2, mỗi người phải chịu 15.947.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 3.986.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Tô Thanh Đ1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0010155 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Ông Đ1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết;
- Chi Cục THADS thành phố Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Đức Hùng